

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIÁO ÁN

MÔN VĂN LỚP 11

Tên bài giảng: **Bài thơ Tự Tình II**

Bài giảng: **Lý thuyết**

Cấp học: **Học sinh THPT**

Người thực hiện: **Lê Thị Hồng**

Đơn vị: **Cơ Sở Đào tạo Thanh Hóa- Trường Cao đẳng
nghề số 4/BQP**

TÊN BÀI giảng : TỰ TÌNH II
Thời gian thực hiện: 60 phút (tiết 9- tiết 10)

A.MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.Kiến thức

- Cảm nhận được tâm trạng buồn tủi, phần uất trước duyên phận éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.
- Khả năng Việt hóa thơ Đường: Dùng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; miêu tả sinh động; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ ca.

2.Kỹ năng

- Đọc – hiểu bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.
- Phân tích bình giảng bài thơ.
- Rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm và phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình.

3. Thái độ

- Trân trọng, cảm thông với thân phận và khát vọng của người phụ nữ trong xã hội xưa.

B. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV, giáo án, máy tính, máy chiếu.
- HS: SGK, vở ghi, vở soạn.

C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- 1.Phương pháp chủ đạo: Thuyết trình, nêu vấn đề, chiếu slide.
- 2.Phương pháp phối hợp: Phát vấn, thảo luận.

D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Ổn định tổ chức

- Kiểm tra sĩ số lớp:
- Nhắc nhở nề nếp lớp:

- 2. Kiểm tra bài cũ:** (5 phút). Kiểm tra nắm nội dung bài học trước và vở soạn ở nhà.

3.Bài học: 55 phút

a. Giới thiệu vào bài mới: (2 phút)

Khi xã hội phong kiến Việt nam rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, làm cho cuộc sống của người nông dân đặc biệt là người phụ nữ vô cùng khổ cực. Không ít nhà văn, nhà thơ đã phản ánh điều này trong tác phẩm như: Nguyễn Du “Truyện kiều”, Đặng Trần Côn “Chinh Phụ Ngâm”, Nguyễn Gia Thiều “Cung oán ngâm khúc”.... Đó là những lời cảm thông của những người đàn ông khi nói về người phụ nữ, còn những người phụ nữ nói về thân phận của chính mình như thế nào? Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu bài thơ Tự tình II của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương.

b. Triển khai bài học: (53 phút)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: hướng dẫn học sinh tìm hiểu tiểu dẫn	I.TIỂU DẪN
Trình chiếu slide 1: Bức ảnh Hồ Xuân Hương	1.Tác giả
GV: giao nhiệm vụ. HS: Đọc phần tiểu dẫn trong SGK HS: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi. 1.Trình bày về cuộc đời, con người, sự nghiệp của nữ sĩ Hồ Xuân Hương? 2.Sáng tác của Hồ Xuân Hương tập trung vào đề tài, cảm hứng gì? 3.Xuất xứ bài thơ? 4.Xác định thể thơ và bố cục bài thơ? GV: - Điều khiển thảo luận HS trả lời. -Chốt lại nội dung cần đạt.	a.Cuộc đời và con người - Hồ Xuân Hương (chưa rõ năm sinh, mất). Sống vào cuối thế kỷ XVIII đầu XIX. - Quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An - Sống ở kinh thành Thăng Long (Hà nội) - Cha là Hồ Phi Diễm từng đỗ tú tài. - Cuộc đời, tình duyên của Hồ Xuân Hương có nhiều éo le, ngang trái. (Tài liệu → yêu học trò của cha →không thành →2 lần lấy lẽ → góa chồng) b. Sáng tác - Sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm: Lưu Hương ký gồm 24 bài chữ Hán. 40 bài thơ Nôm - Là hiện tượng độc đáo trong văn học Việt nam: Nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ →trào phúng → trữ tình,→đậm đà chất văn học dân gian. Bà chúa thơ Nôm. - Nội dung, cảm hứng: Tiếng nói thương cảm với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp và khát vọng của họ. 3. Xuất xứ: Tự tình II - Nằm trong chùm thơ Tự tình (gồm 3 bài) - Thể Thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật - Bố cục: Đề - Thực – Luận – Kết.
Hoạt động 2: Đọc hiểu Văn bản (SGK) CH? Nhân vật trữ tình đang trong hoàn cảnh như thế nào?	II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1.Hai câu đề “Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn Trơ cái hồng nhan với nước non” . Hoàn cảnh tự tình - Thời gian: Đêm khuya

GV: Gợi ý: Tìm những từ ngữ chỉ thời gian, không gian?	- Không gian: Vắng lặng, tĩnh mịch. - Âm thanh: “văng vẳng trống canh dồn”→ Lấy động tả tĩnh→ Cảm nhận bước đi của thời gian → ý thức về tuổi trẻ, tình yêu, hạnh phúc→ ảnh hưởng tâm lý. =>Gợi lên sự trống vắng, cô đơn, rôi rời , bề bâng, trong tâm trạng của con người. . Con người xuất hiện “Trơ cái hồng nhan với nước non” - Nhân vật trữ tình xuất hiện: Trong sự lẻ loi, đơn độc tủi hổ, bề bâng trước cuộc đời.
GV? Yêu cầu HS tìm hiểu sự xuất hiện của con người? CH: Ý nghĩa từ trơ và từ hồng nhan? CH: Tác giả đã sử dụng NT gì trong câu thơ thứ 2? CH: Nhịp điệu câu thơ?	+ Động từ “Trơ”: đặt ở đầu câu có tác dụng nhấn mạnh → sự trơ trọi, lẻ loi, đơn độc và hàm chứa sự vô duyên. Trơ có nghĩa là sự tủi hổ, bề bâng. + Hai chữ “hồng nhan” nói về dung nhan thiếu nữ đi + từ “cái” → rẻ rúng, mỉa mai. - NT: đảo ngữ → ấn tượng, tiểu đối. - Nghệ thuật đối: Hồng nhan >< nước non → người con gái trẻ đẹp, bạc phận >< Sự mệnh mông, rộng lớn của cuộc đời → Tương phản: con người đơn độc, nhỏ bé >< cuộc đời. - “ Trơ... với nước non” → thể hiện sự bẽ gan thách thức của cá nhân trước cuộc đời, số phận. - Nhịp điệu: 1/3/3 → Nhấn mạnh sự bề bâng của duyên phận. => Hai câu thơ thể hiện tình cảnh cô đơn, lẻ loi. Tâm trạng rôi rời bề bâng, buồn tủi, rẻ rúng cay đắng của nhân vật trữ tình.
GV: Yêu cầu HS tìm hiểu hai câu thực CH: Nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thực? CH: Giá trị biểu cảm của cụm từ “say lại tỉnh”?	2.Hai câu thực “Chén rượu hương đưa say lại tỉnh Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn”. - NT: đối, ẩn dụ. - “Say lại tỉnh” → gợi cái vòng quẩn quanh, bế tắc, càng say càng tỉnh, càng cảm nhận nỗi đau thân phận → cái tỉnh ấy chua xót bội phần so với trước lúc say. Chạnh nhớ Kiều: <i>Khi tỉnh rượu lúc tàn canh, Giật mình, mình lại thương mình xót xa.</i> Buồn cho thân phận cũng có nhờ đến chén rượu, nhờ tí hương nồng → giải sầu nhưng nỗi sầu càng nhân đôi → nhận thức rõ hơn cảnh ngộ chua chát. Cuộc rượu say rồi tỉnh cũng chính là cuộc tình trong thoáng lát tan mau. Hương rượu để lại vị đắng chát, hương tình để lại nỗi chán chường của phận hẩm

CH: Hai câu kết nói lên tâm sự gì của tác giả? CH: Sắc thái của hai từ <i>xuân</i> trong câu thơ ntn?	Xiên ngang >< Đâm toạc Mặt đất >< chân mây Mây từng đám >< đá mấy hòn □ Làm cho hình ảnh thơ trở nên mạnh mẽ, sống động và có sức sống như chính tính cách thi sĩ Hồ Xuân Hương vậy. =>Thể hiện cái tâm trạng phần uất, thái độ phản kháng dữ dội quyết liệt của nhân vật trữ tình với cuộc đời, số phận, xã hội. Đồng thời khẳng định bản lĩnh tự tin và luôn khát khao hành động để giải thoát thực tại đau khổ, vượt lên số phận. Khát vọng sống mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương. 4.Hai câu kết: “Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại, Mảnh tình san sẻ tí con con” - Điệp từ: “xuân”, “lại”, “con”... - Động từ: “Ngán” làm câu thơ bỗng trùng xuống như một tiếng thở dài chán chường, buồn tủi. - Từ “xuân”: chỉ □ mùa xuân thiên nhiên □ Tuổi xuân con người - Từ “Lại” lặp đi lặp lại 2 lần: □ thêm lần nữa □ trở lại nữa. □ Nhân vật trữ nhận ra mùa xuân của thiên nhiên qua đi rồi mùa xuân sẽ trở lại. Còn tuổi xuân của con người thì không bao giờ trở lại. □ Nhân vật trữ tình cũng ý thức được sự trở lại của mùa xuân thiên nhiên đất trời cũng đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân con người. Chính vì vậy nhân vật trữ tình cảm thấy chán chường, buồn tủi. -Câu thơ cuối “Mảnh tình san sẻ tí con con” + Sử dụng ghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn. + Không phải cuộc tình tràn đầy, viên mãn hay “khối tình cọ mãi với non sông” mà chỉ là “mảnh tình” nhỏ nhoi, bé mọn mà lại còn san sẻ thành ít ỏi, chỉ còn “tí con con” nên càng xót xa tội nghiệp. Câu thơ ngắt nhịp 2/2/1/2 như nát vụn ra, vật vữa đến nhừ nhối vì cái duyên tình hẩm hiu, lận đận của nhà thơ. Càng gắng gượng vươn lên càng rơi vào bi kịch.
--	--

<u>Hoạt động 3.</u> CH. Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?	=> Hai câu thơ kết thể hiện sự cảm nhận sâu sắc về nỗi đau thân phận, sự chán chường mệt mỏi trước duyên phận éo le của nữ thi sĩ. => Đó còn là nỗi lòng chung của người phụ nữ trong XH xưa, khi với họ hạnh phúc luôn là chiếc chăn quá hẹp, cái duyên tình hẩm hiu, lận đận của họ dường như càng gắng gượng vươn lên càng rơi vào bi kịch. III. Tổng kết: 1. Nội dung: - Tiếng nói đau buồn, phần uất của nhà thơ trước duyên phận bất hạnh, gắng gượng vươn lên đầy bản lĩnh nhưng vẫn rơi vào bi kịch. - Khát vọng tự do, khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc cháy bỏng của nữ sĩ, của người phụ nữ tài hoa, đa truân trong xã hội phong kiến. 2. Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn, tả cảnh sinh động, đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.
---	--

IV. Củng cố, Dặn dò (5 phút)

1. Bản lĩnh – cái tôi của Hồ Xuân Hương được thể hiện như thế nào trong những vần thơ tự tình? (tài liệu)
2. Học thuộc lòng bài thơ.
3. Soạn bài: Câu cá mùa thu- Nguyễn Khuyến.